



Báo cáo
thường niên

2014

SAVIMEX

2014





Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)38292806 - (08)39142664

Email: info@savimex.com

Website: www.savimex.com


MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Quá trình hình thành và phát triển
- 03 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 04 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 05 Định hướng phát triển
- 06 Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 01 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 02 Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- 03 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 Hội đồng quản trị
- 02 Ban Kiểm soát
- 03 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

- 📄 Thông tin khái quát
- 📄 Quá trình hình thành và phát triển
- 📄 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 📄 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 📄 Định hướng phát triển
- 📄 Các rủi ro



Thông tin khái quát



Công ty cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Tên viết tắt: SAVIMEX

Vốn điều lệ: 99.634.500.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 99.634.500.000 VNĐ

Mã chứng khoán: SAV



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0302317892

Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. HCM, Việt Nam

Số điện thoại: (08)38292806 - (08)39142664

Số fax: (08)38299642

Website: www.savimex.com

Email: infor@savimex.com



Quá trình hình thành và phát triển

1987-1980: Mở rộng thị trường sang Liên Xô, Nhật, Singapore, Hồng Kong, Đài Loan... với sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là ván sàn, gỗ tròn, gỗ xẻ... nhập khẩu chủ yếu là hóa chất, máy móc, thiết bị



1992: Hợp tác với Công ty Japan Nippon Furniture (JNF) tiếp nhận dây chuyền sản xuất gỗ tinh chế sang Nhật Bản.



1985-1988: Công ty được thành lập ngày 29/8/1985 với tên gọi là công ty hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu với Lào (SAVIMEX)



1991: Nhà máy Satimex đã chế biến thành công ván ghép cây cao su để xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản



1993: Thành lập nhà máy Savi – kỹ nghệ gỗ (Saviwoodtech), hợp tác với công ty Marunaka. Thành lập trung tâm xây dựng và phát triển nội thất.

2001: Chuyển thành Công ty cổ phần Savimex

2007: Đầu tư thành lập xí nghiệp sản xuất Bao bì Carton (SaviPack) với dây chuyền máy móc thiết bị nhập khẩu từ Đài Loan.



2002: Savimex có nhà máy chế biến gỗ đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Niêm yết cổ phiếu lên sàn với mã S.V.V



2008: Đầu tư thành lập Công ty Liên doanh chế biến gỗ Champa-Savi tại Champasak, Lào.

Các danh hiệu đạt được






- **Năm 1998:** Bằng khen của Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam do thành tích công tác từ năm 1995-1997.
- **Năm 2000:** Huân chương lao động hạng 3 do thành tích xuất sắc từ năm 1995 – 1999.
- **Năm 2004:** Danh hiệu hàng Việt nam chất lượng cao
- **Năm 2005:**
 - Huân chương lao động hạng 2 do thành tích xuất sắc từ năm 2000-2004.
 - UBND TP.HCM cấp GCN sản phẩm đồ gỗ trang trí nội thất Savimex là sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM.
 - Bằng khen của Thứ trưởng Bộ Y tế nước CH DCND Lào về các hoạt động từ thiện tại Lào.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
- **Năm 2006:**
 - Bằng khen của Thủ tướng nước CH DCND Lào về các hoạt động từ thiện tại Lào.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
 - Hàng Việt Nam chất lượng cao
 - Sản phẩm Việt uy tín, chất lượng
- **Năm 2007:**
 - Bằng khen của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho tập thể cán bộ nữ công ty do đạt thành tích “Phụ nữ tài năng toàn quốc thời kỳ đổi mới”.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
 - Hàng Việt Nam chất lượng cao
 - Danh hiệu 500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam
- **Năm 2010:**
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích xuất sắc trong công tác SXKD từ năm 2000-2010.
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích xuất sắc trong SXKD từ đồ gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ nhiều năm liền từ năm 2000-2010.
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích trong phong trào thi đua của Thành phố.
- **Năm 2012:** Công nhận thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình “Thương hiệu quốc gia”.

Các chứng chỉ đạt được

- Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu Satimex: ISO 9001 và ISO 14001
- Nhà máy Savi Kỹ nghệ gỗ Saviwoodtech: ISO 9001
- Xí nghiệp Trang trí nội thất Savidecor: ISO 9001
- Văn phòng công ty: ISO 9001
- TTXD và Kinh doanh đại ốc Savihomes: ISO 9001
- Năm 2012: Nhà máy Satimex được tổ chức SGS (Thụy Sĩ) cấp chứng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội: SA 8000:2008



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

-  Sản xuất, kinh doanh nội địa và xuất khẩu: Sản xuất đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất, nông lâm đặc sản, hàng thủ công mỹ nghệ;
-  Các hoạt động thương mại bao gồm: xuất nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hoá máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm trong ngành chế biến gỗ, xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
-  Sản xuất và kinh doanh bao bì giấy Carton;
-  Đầu tư, thi công và trang trí nội ngoại thất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, khu công nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư;
-  Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
-  Kinh doanh địa ốc và cho thuê văn phòng.



Địa bàn kinh doanh

Thị trường xuất khẩu

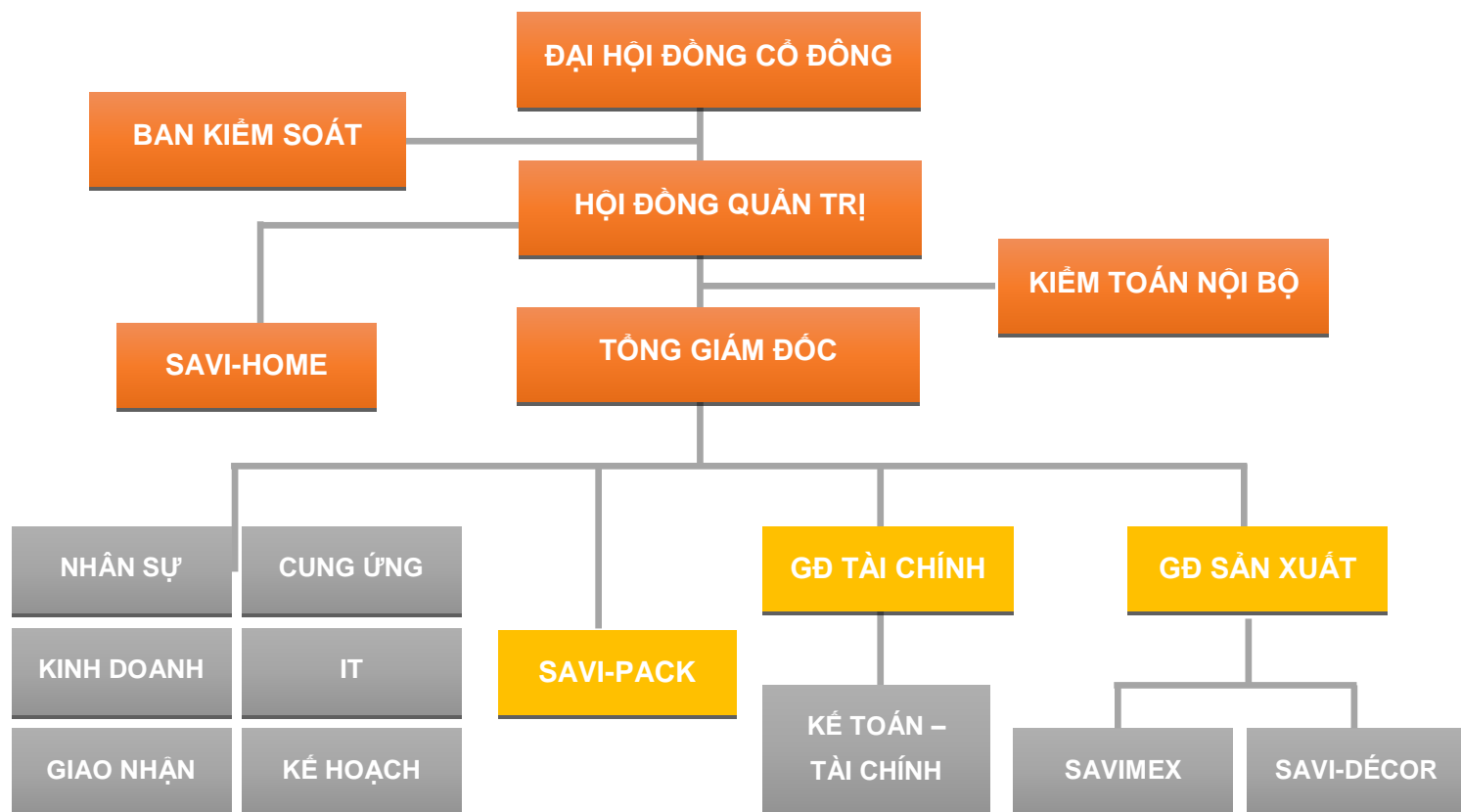
- Thị trường chủ yếu: Nhật Bản
- Thị trường khác: Mỹ, EU

Thị trường nội địa

Phần lớn tập trung tại các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đaknông.



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Công ty con, công ty liên kết



Công ty Liên Doanh Champa-Savi

- 📍 Địa chỉ: Cây số thứ 12 Quốc lộ 13 phía Nam, xã Houiset, Huyện Bachieng, Tỉnh Chanpasak, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào
- 📍 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất
- 📍 Vốn đầu tư của dự án: 2.020.408 USD
- 📍 Vốn góp của Savimex: 990.000 USD
- 📍 Tỷ lệ vốn góp: 49%



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược đầu tư máy móc thiết bị năm 2013 – 2015:

Savimex đã đưa chiến lược về đầu tư máy móc trang thiết bị lên thành một trong những chiến lược phát triển trung và dài hạn quan trọng của Công ty. Cụ thể, trong giai đoạn từ 2013 – 2015, Savimex dự kiến đầu tư mới máy móc thiết bị với tổng giá trị lên đến 50-60 tỷ đồng. Khoản đầu tư này sẽ mang đến cho Công ty những lợi ích và cơ hội sau:

- Mở ra cơ hội cho các dòng sản phẩm truyền thống.
- Cân đối năng lực sản xuất đều các tháng trong năm, đạt mục tiêu tăng trưởng ổn định.

Chiến lược đối với thị trường xuất khẩu

- Ổn định và phát triển mối quan hệ với khách hàng nước ngoài. Để làm được điều này, công ty cần nâng cao chất lượng sản phẩm, tính chuyên nghiệp khi tiếp xúc với những đối tác lớn, từ đó đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Ưu tiên cho công tác tăng cường năng lực sản xuất thành phẩm, trong đó tối ưu hóa chi phí, kiểm soát nguồn cung ứng vật liệu và ổn định đầu ra sản phẩm, có kế hoạch ứng phó những rủi ro từ nền kinh tế thị trường. Đồng thời, đẩy mạnh công tác quản trị nguồn nhân lực, có chương trình nâng cao năng lực của người lao động và cán bộ quản lý.
- Đề xuất các dự án sử dụng hiệu quả những khu đất của công ty.

Chiến lược đối với thị trường nội địa

- Củng cố, hoàn thiện mạng sản xuất, kinh doanh hàng trang trí nội thất.
- Quản lý, kiểm soát các công trình nội thất, tránh tình trạng kéo dài, lùi thời gian hoàn thành dự án.
- Nghiên cứu thị trường, điều tra thị hiếu, nhu cầu của khách hàng để nâng cao sức mua mặc dù nền kinh tế dự kiến trong năm 2015 còn gặp nhiều khó khăn. Đồng thời nâng cao bộ máy quản lý nhằm tránh thất thoát trong công ty.
- Ổn định đầu ra sản phẩm, giám sát chặt chẽ công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, khắc phục tình trạng hỏng hóc lớn kéo dài.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Phát triển, mở rộng quy mô các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu, đồng thời ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường trong nước và ngoài nước.
- Ổn định nguồn cung ứng vật liệu cũng như kênh tiêu thụ sản phẩm nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như đem lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.
- Quan tâm đến điều kiện làm việc cũng như đời sống tinh thần cho người lao động trong công ty.

Trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

- Tiếp tục thực hiện các chương trình từ thiện tại địa phương cũng như trên toàn quốc.
- Chú ý việc xử lý, thanh lý phế phẩm trong quá trình sản xuất nhằm bảo vệ môi trường
- Có kế hoạch khai thác gỗ hợp lý và ổn định.



Một số công tác từ thiện trong năm như sau:

Chi ủng hộ công tác từ thiện Nhân dịp Tết Nguyên đán 2014 (Trung tâm bảo trợ xã hội chánh Phú Hòa, Bếp ăn Từ Thiện).	17.000.000
Chi hỗ trợ tết hộ nghèo Phường Phú Thuận, Q.7, TP. HCM	5.000.000
Chi hỗ trợ tết hộ nghèo Phường Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM	5.000.000
Chi ủng hộ quỹ học bổng Nguyễn Thị Minh Khai P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM	2.000.000
Chi ủng hộ chương trình “ <i>Biển đảo quê hương</i> ”	40.000.000



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế:

Nhìn lại nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 có nhiều khởi sắc hơn năm 2013. Cụ thể, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 5,8%, cao hơn mức khoảng 5,4% của năm 2013, lạm phát cũng được kiểm soát ở mức 7% tương đương với năm 2013, cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế Việt Nam. Tính từ đầu năm đến hết tháng 12/2014, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt hơn 298,24 tỷ USD, tăng 12,9%, tương ứng tăng 34,17 tỷ USD so với năm 2013; trong đó xuất khẩu đạt kim ngạch 150,19 tỷ USD, tăng 13,7%, tương ứng tăng hơn 18,15 tỷ USD và nhập khẩu đạt hơn 148,05 tỷ USD, tăng 12,1%, tương ứng tăng hơn 16,02 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2014 đạt mức thặng dư 2,14 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay.

Tuy nền kinh tế Việt Nam năm 2014 có nhiều điểm sáng hơn năm 2013 nhưng công ty cần phải có những biện pháp dự phòng hiệu quả để ứng phó với nhiều nguy cơ có thể xảy ra ngay khi thị trường gặp biến cố. Công ty cần rà soát và đảm bảo nguồn cung ứng cũng như các kênh tiêu thụ để không ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Trong đó, việc tối ưu hóa chi phí sản xuất và quản lý là điều công ty cần phải làm để duy trì sự phát triển bền vững.

Rủi ro pháp lý:

Cùng với xu hướng mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, Hệ thống pháp luật Việt Nam đang dần được hoàn thiện để rút ngắn khoảng cách chênh lệch với quốc tế. Quá trình này tạo ra một rủi ro khó tránh khỏi cho các doanh nghiệp là phải nhanh chóng cập nhật, thay đổi chính sách kinh doanh phù hợp với quy định của luật mới. Năm 2015, một số các quy định mới sẽ được ban hành như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy định về công bố thông tin,... sẽ chi phối trực tiếp tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu như Savimex còn phải chịu sự điều tiết của luật lệ tại nước sở tại. Đơn cử như trong lĩnh vực xuất khẩu gỗ, rào cản kỹ thuật ở những khu vực địa lý khác nhau có những ràng buộc chi tiết không giống nhau. Cụ thể, thị trường Hoa Kỳ có Đạo luật Lacey, còn EU đang xúc tiến kế hoạch tăng cường thực thi Luật đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào các quốc gia trong khối. Có thể thấy, để có chỗ đứng và khai thác hiệu quả thị trường nước ngoài, công ty cần có biện pháp phòng ngừa rủi ro về pháp lý một cách linh hoạt và hiệu quả.

Rủi ro đặc thù ngành:

Nguồn nguyên liệu chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là ván gỗ và một số nguyên liệu khác. Cùng với tác động từ rủi ro pháp lý, đòi hỏi công ty phải nâng cao chất lượng sản phẩm ngay từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến sản xuất thành phẩm. Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, gỗ là nguồn nguyên liệu có giới hạn, không thể khai thác ồ ạt, bất hợp lý. Vì vậy, việc chủ động nguồn nguyên liệu với giá cả phù hợp là một thách thức đối với công ty.








Bên cạnh đó, rủi ro cạnh tranh cũng là một vấn đề công ty không thể bỏ qua, khi ngày càng nhiều các doanh nghiệp gia nhập ngành dần tạo nên thương hiệu và uy tín trên thị trường, trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Savimex. Do đó, việc đẩy mạnh đầu tư và kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm là một chiến lược đúng đắn trong bài toán cạnh tranh dài hạn của công ty.

Rủi ro tài chính

Công ty chịu rủi ro nhiều nhất là biến động tỷ giá và biến động lãi suất. Hơn 70% doanh thu thuần đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm sản xuất từ gỗ, nên mọi sự biến động tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2014, tình hình tỷ giá biến động không đáng kể do nhà nước ta đã có kế hoạch điều chỉnh tỷ giá trong 06 tháng đầu năm 2014 giúp các doanh nghiệp xuất khẩu yên tâm tập trung vào sản xuất kinh doanh.

Năm 2014, lãi suất cho vay đã giảm do chính sách của nhà nước giảm lãi suất để kích cầu cũng như tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển nên đã giúp công ty giảm chi phí sử dụng vốn. Tuy nhiên, công ty vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi do có nhiều rào cản đặc thù trong chính sách cho vay của các ngân hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

-  Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
-  Tổ chức và nhân sự
-  Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
-  Tình hình tài chính
-  Cơ cấu cổ đông



Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	% tăng/giảm	Kế hoạch 2014	% TH/KH
Tổng doanh thu	Triệu đồng	551.467	662.295	20,10%	735.946	-10,01%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	551.293	662.254	20,13%	-	-
Tổng chi phí	Triệu đồng	547.403	676.580	23,60%	726.825	-6,91%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	3.889	(14.326)	-	-	-
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.940	(6.015)	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.829	(20.340)	-	9.121	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.162	(23.916)	-	7.114	-
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	435	(2.500)	-	-	-

Cơ cấu doanh thu:

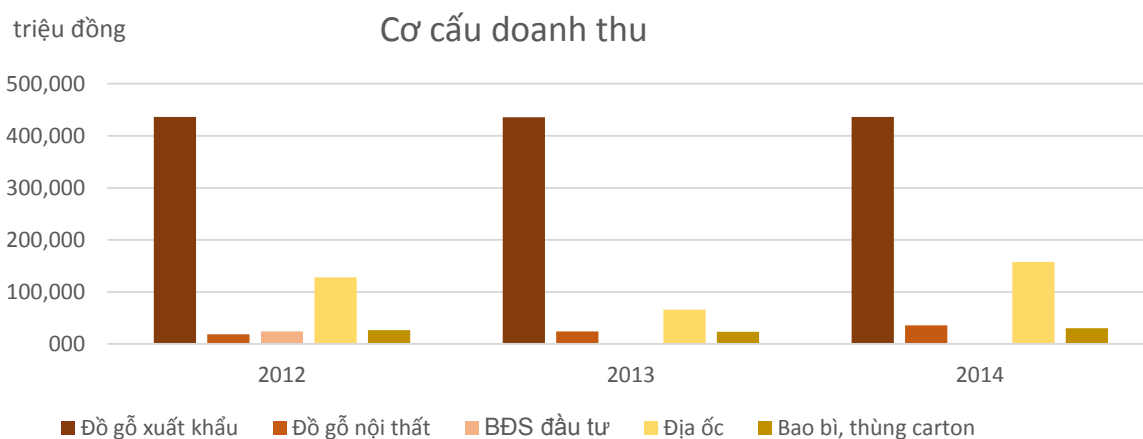
Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Đồ gỗ xuất khẩu	436.487,84	68,82%	435.380,35	78,95%	436.386,09	65,89%
Đồ gỗ nội thất	18.750,71	2,96%	24.139,04	4,38%	35.853,04	5,41%
Bất động sản đầu tư	24.329,85	3,84%	2.078,91	0,38%	2.023,56	0,31%
Địa ốc	128.380,06	20,24%	66.121,51	11,99%	157.784,05	23,82%
Bao bì, thùng carton	26.317,34	4,15%	23.747,39	4,31%	30.248,28	4,57%
Tổng cộng	634.265,81		551.467,19		662.295,01	
- Các khoản giảm trừ doanh thu	86.273,43		174,41		41,04	
Doanh thu thuần	547.992,38		551.292,78		662.253,97	

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Đồ gỗ xuất khẩu	41.584,94	60,86%	39.245,49	57,44%	11.464,12	16,78%
Đồ gỗ nội thất	6.503,22	9,52%	11.960,78	17,51%	16.738,33	24,50%
Bất động sản đầu tư	19.276,86	28,21%	2.019,91	2,96%	174,98	0,26%
Địa ốc	-5.263,67	-7,70%	-1.853,23	-2,71%	22.107,39	32,36%
Bao bì, thùng carton	6.223,65	9,11%	6.678,56	9,77%	4.962,44	7,26%
Tổng cộng	68.325,00		58.051,51		55.447,26	

Nhận định chung:

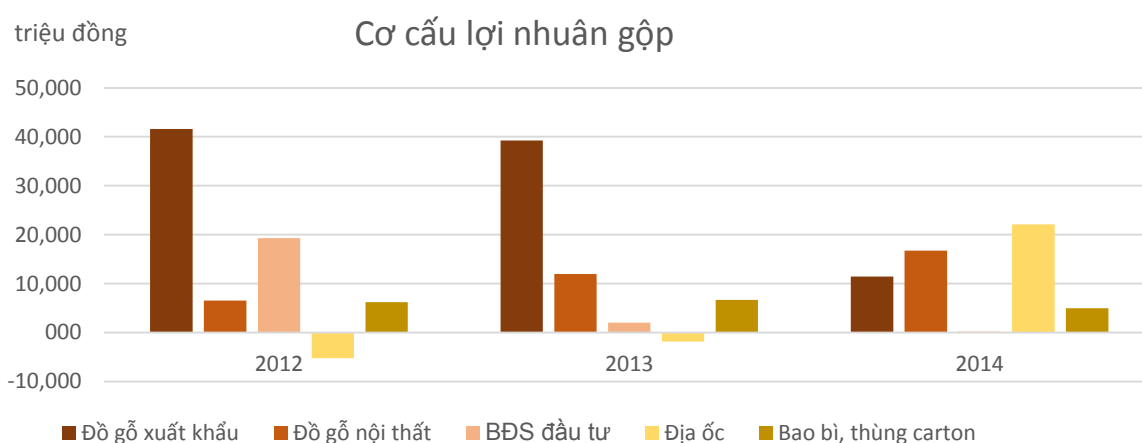
Doanh thu cả năm 2014 đạt 622 tỷ đồng tăng 20% so với năm 2013. Chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là sản phẩm gỗ xuất khẩu 65,89%, theo sau là hoạt động kinh doanh địa ốc chiếm 23,8%, phần còn lại là đóng góp từ đồ gỗ nội thất, bao bì và bất động sản đầu tư. Tuy nhiên, giá trị đóng góp chủ yếu vào phần gia tăng doanh thu của công ty đến từ hoạt động kinh doanh địa ốc, có giá trị tăng gần 100 tỷ do trong năm công ty đã có nhiều thay đổi cho hoạt động này nhằm khai thác triệt để các dự án và mang lại hiệu quả cho công ty. Cơ cấu lợi nhuận của công ty vì vậy mà có sự thay đổi. Lợi nhuận từ kinh doanh địa ốc dẫn đầu trong cơ cấu lợi nhuận của công ty chiếm tỷ trọng 32,3%, xếp thứ 2 là đồ gỗ nội thất chiếm 24,5%, còn lại là đồ gỗ xuất khẩu và các mặt hàng khác.



Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Savimex không hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra nguyên nhân chính là do chi phí hoạt động trong năm gia tăng đáng kể. Phần chi phí gia tăng trong năm 2014 lên đến 23,6% so với cùng kỳ đã gây nên khoản lỗ hơn 14 tỷ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và 24 tỷ lợi nhuận sau thuế dù trong năm doanh thu công ty đạt đến 622 tỷ tăng 20% so với năm 2013. Cụ thể có thể kể đến các nguyên nhân sau:

- 🌐 Chi phí gỗ nguyên liệu trong năm 2014 gia tăng kéo giá vốn hàng bán của các mặt hàng do công ty sản xuất tăng. So với năm 2013, giá vốn hàng bán năm 2014 của Savimex là gần 607 tỷ đồng, tăng 23%.
- 🌐 Trong năm, công ty đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh làm tăng mạnh chi phí khấu hao.
- 🌐 Chi phí lương tăng cao trong năm 2014 cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng chi phí của công ty.

Trong bối cảnh công ty đang thực hiện nhiều chính sách cải cách, tái cơ cấu bộ máy hoạt động và mở rộng đầu tư thì việc gia tăng các khoản chi phí nêu trên xét thấy là phù hợp với mục tiêu phát triển đã được đề ra, tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm sắp tới.





Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:



Ông BUI NGOC QUOI – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 21/04/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính doanh nghiệp và kinh doanh tiền tệ

Số lượng cổ phần: 23.085 cổ phần

Ông LIM HONG JIN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 25/09/1966

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Đại học Kyung Hee chuyên ngành Sinh học và Sư phạm

Số lượng cổ phần: 0 cổ phiếu

Ông LEE JUNG WON – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1957

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khoa học - Đại học Inha - Hàn Quốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%

Ông LEE JUNG WON – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1957

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khoa học - Đại học Inha - Hàn Quốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%



Ông PHẠM HOÀNG SƠN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 10/05/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần: 5000 cổ phiếu - Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,05%

Những thay đổi trong ban điều hành:

- 👤 Tái bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Sơn tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài chính Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu Savimex, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến hết ngày 04 tháng 04 năm 2015.
- 👤 Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu Savimex đối với ông Bùi Ngọc Quới kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- 👤 Bổ nhiệm ông Lim Hong Jin giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

▪ Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1642	100,00%
1	Trên Đại học	1	0,06%
2	Đại học	122	7,43%
3	Cao đẳng	51	3,11%
4	Trung cấp	98	5,97%
5	Công nhân kỹ thuật	55	3,35%
6	Lao động phổ thông	1315	80,09%
7	Khác	0	0,00%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1642	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	597	36,36%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	678	41,29%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	367	22,35%

▪ Thu nhập bình quân

STT	Năm	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)
1	2011	4.222.483
2	2012	4.500.460
3	2013	5.100.000
4	2014	5.500.000

▪ Chính sách nhân sự

Chính sách lương, thưởng



Savimex thực hiện chế độ lương, thưởng mang tính công bằng trên cơ sở hiệu quả, vị trí công việc và năng lực đóng góp của người lao động. Tiền lương được trả theo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty áp dụng cho toàn thể cán bộ nhân viên. Đối với cán bộ quản lý, áp dụng chế độ lương, thưởng theo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Việc áp dụng các chính sách lương nêu trên đã được công ty nghiên cứu và cân nhắc kỹ lưỡng nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

- 🌐 Bảo đảm mức thu nhập tối thiểu cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, đồng thời xây dựng khoảng cách lương hợp lý dựa trên hiệu quả công việc nhằm phát huy năng lực đóng góp của từng cán bộ.
- 🌐 Khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành và tăng doanh số của đơn vị bằng hình thức thưởng định kỳ thông qua hiệu quả công việc, thưởng đột xuất thông qua các đề tài cải tiến sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đạt được những thành tích nổi bật.


Chính sách phúc lợi cho đội ngũ CB-NV

- 🌐 Tất cả CB- CNV Công ty đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH... các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục, trang phục bảo hộ an toàn lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đúng thủ tục, đúng thời hạn quy định Pháp luật về trợ cấp thôi việc, hướng dẫn thủ tục xin hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi NLĐ xin nghỉ việc.
- 🌐 Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thời gian nghỉ ngơi cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc: phun nước mát tôn, dán lớp cách nhiệt.chống nóng.....tiếp tục duy trì nhà ăn tập thể nhằm cải thiện bữa ăn, đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm cho NLĐ.
- 🌐 Tổ chức khám sức khỏe định kỳ để tầm soát các bệnh thường gặp về nghề nghiệp, tuổi tác cho CB- CNV... trợ cấp khó khăn đột xuất, tặng quà tết cho gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi tặng quà, hỗ

trợ tiền tàu xe, tổ chức họp mặt tặng quà tết đối với NLD ngoại tỉnh xa quê không có điều kiện về quê ăn tết. Tổ chức thăm hỏi các trường hợp Ốm đau, phúng viếng đối với gia đình CB - CNV có người thân qua đời.

-  Tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ nhà lưu trú cho NLD ngoại tỉnh tại N.M Satimex quy mô lên đến 94 phòng với chi phí hỗ trợ hằng năm khoảng 1,4 tỷ đồng nhằm góp phần ổn định lao động N.M. Đồng thời, duy trì bền vững hệ thống quản lý SA 8000, liên tục cải thiện điều kiện làm việc an toàn cho NLD quản lý môi trường nhằm giúp giảm thiểu tiếng ồn, bụi bặm, thực hiện chính sách trợ cấp độc hại đối với NLD theo đúng quy định.
-  Thường xuyên tổ chức những hoạt động sinh hoạt vui chơi, giải trí, tặng

quà nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm, tham quan học tập trong và ngoài nước, tổ chức nghỉ mát hàng năm cho người lao động tùy vào tình hình và điều kiện tài chính của từng đơn vị.

-  Khuyến khích CB-CNV tích cực tham gia xây dựng văn hóa Công ty, tạo môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, phát huy sức mạnh của tập thể, vượt qua khó khăn, thách thức. Luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến đóng góp xây dựng Công ty của cá nhân, tạo sự đồng tâm nhất trí trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch của Công ty đề ra, xem lợi ích của khách hàng, của đối tác, của cổ đông là lợi ích của chính mình.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn	2013	2014
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	13.120.448.561	13.120.448.561

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty trong năm 2013 chủ yếu là đầu tư vào Công ty liên doanh Champa-Savi. Với tổng mức đầu tư tại thời điểm 31/12/2014 là 13,12 tỷ đồng.

Công ty Liên doanh Champa-Savi được chính thức khánh thành và đi vào hoạt động ngày 14/04/2008. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty là sản xuất gỗ nguyên liệu và đồ gỗ chất lượng cao. Từ khi chính thức đi vào hoạt động, Champa-Savi đã mở ra hướng phát triển mới cho Savimex để mở rộng quy mô sản xuất, phát triển mảng bán lẻ đồ gỗ nội thất

▪ **Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	% tăng/giảm so với 2013
Tổng tài sản	Triệu đồng	653.948	587.712	-10,13%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	551.293	662.254	20,13%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	3.889	-14.326	-
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.940	-6.015	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.829	-20.340.	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.162	-23.916	-
Tỉ lệ cổ tức	%	25	5	-

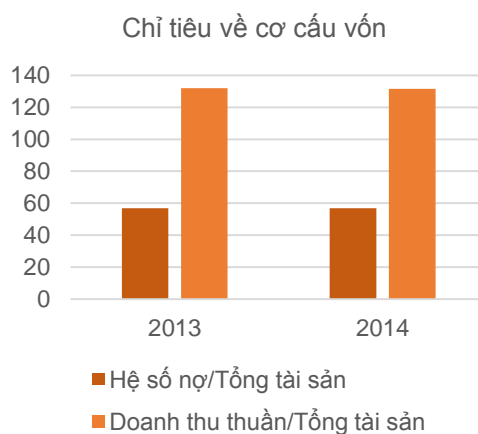
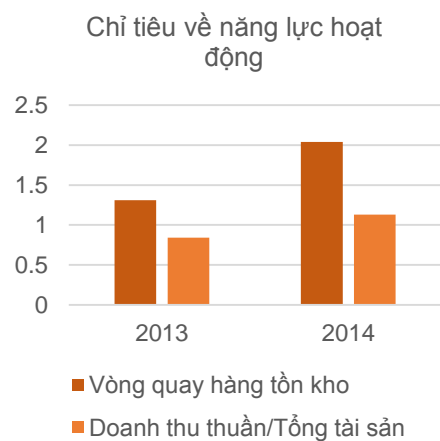
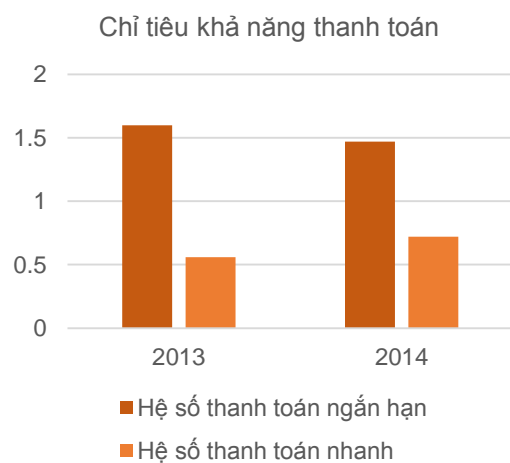
Tổng tài sản năm 2014 giảm 10,13% so với năm 2013, chủ yếu là do tài sản ngắn hạn giảm 18,51% so với năm 2013. do công ty đã rút bớt các khoản phải thu, hàng tồn kho, giảm các khoản tạm ứng cho cho các bộ phận nhà máy. Chi phí sản xuất dở dang cho các dự án bất động sản đã giảm so với năm 2013, do là các dự án của công ty đang ở trong giai đoạn hoàn thành, do đó chi phí cho các dự án này cũng giảm xuống như Dự án chung cư Ngọc Lan, Dự án Phú Mỹ. Cụ thể, hàng tồn kho năm 2014 giảm 36,46%, khoản phải thu giảm 14,24%, tài sản ngắn hạn khác giảm 20,81% so với năm 2013.

Trong năm 2014, công ty đạt doanh thu tăng trưởng so với cùng kì năm 2013, tuy nhiên công ty lại báo cáo lỗ 24 tỷ là do tổng chi phí của công ty đã vượt quá doanh thu đạt được, tổng chi phí năm 2014 tăng 23,6% so với năm 2013 trong khi doanh thu năm 2014 chỉ tăng 20,1% so với năm 2013. Ngoài yếu tố chủ quan, yếu tố về các ngành bất động sản, ngành hàng gỗ có nhiều tác động bất lợi đến kết quả chung ngành chế biến gỗ nói chung và công ty Savimex nói riêng.



▪ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**





Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,6	1,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,89	56,82
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	131,95	131,61
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,31	2,04
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,84	1,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,75	-3,61
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,46	-9,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,62	-4,07
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,71	-2,16





Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

▪ Thông tin cổ phiếu

-  Vốn điều lệ: 99.634.500.000 đồng
-  Mệnh giá: 10.000 đồng
-  Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.963.450 cổ phiếu
 - Cổ phiếu phổ thông: 9.963.450 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - Cổ phiếu quỹ: 395.770 cổ phần
-  Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.567.680 cổ phiếu

▪ Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu CP
I	Cổ đông trong nước	5.083.729	51,02%
1	Cá nhân	2.453.373	24,62%
2	Tổ chức	2.630.356	26,40%
II	Cổ đông nước ngoài	4.879.721	48,98%
1	Cá nhân	120.525	1,21%
2	Tổ chức	4.759.196	47,77%
Tổng cộng		9.963.450	100,00%

▪ Cổ đông lớn:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu CP
	E-LAND ASIA HOLDINGS PTE.LTD	4.044.846	40,60%
	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.888.195	18,95%
Tổng cộng		5.933.041	59,55%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: trong năm công ty không thực hiện tăng vốn chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Các loại chứng khoán khác: không có

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD

- 📄 **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 📄 **Tình hình tài chính**
- 📄 **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- 📄 **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 📄 **Giải trình ý kiến loại trừ của kiểm toán**



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	551.467.190.495	662.295.013.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	174.406.389	41.040.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	551.292.784.106	662.253.973.271
4. Giá vốn hàng bán	493.241.274.501	606.806.713.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.051.509.605	55.447.259.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.256.145.851	2.975.296.681
7. Chi phí tài chính	4.297.910.208	7.289.303.027
+ Trong đó: chi phí lãi vay	1.921.079.617	5.064.572.659
8. Chi phí bán hàng	12.764.700.279	14.357.108.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.355.603.707	51.101.855.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.889.441.262	(14.325.710.658)
11. Thu nhập khác	2.489.853.068	1.209.043.883
12. Chi phí khác	550.343.026	7.223.757.317
13. Lợi nhuận khác	1.939.510.042	(6.014.713.434)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.828.951.304	(20.340.424.092)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.704.109.736	3.465.806.616
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(37.184.099)	109.152.668
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.162.025.667	(23.915.383.376)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	435	(2.500)

Nhận định:

Doanh thu năm 2014 đạt 662 tỷ tăng hơn 20% so với năm 2013 đạt trên 551 tỷ. Tuy nhiên, phần gia tăng doanh thu nêu trên không đủ để bù đắp cho các khoản chi phí tăng cao trong năm. Cuối năm, công ty ghi nhận khoản lỗ gần 24 tỷ đồng sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước. Việc gia tăng chi phí trong năm có nhiều nguyên nhân, có thể kể đến như chi phí nguyên vật liệu, chi phí tiền lương tăng cao. Ngoài ra, một khoản chi lớn đầu tư cho máy móc thiết bị cũng được ghi nhận trong năm làm giảm lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên, chính sách đầu tư máy móc trên bước đầu cho thấy hiệu quả khi đã phần nào khắc phục được tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào đơn hàng của khách hàng. Hiện tại, công ty đã chủ động được hơn trong việc tìm kiếm đơn hàng, giải quyết cơ bản việc thiếu hụt đơn hàng trong mùa thấp điểm, tạo nền tảng sản xuất cho mùa cao điểm.

Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2014 vừa qua chưa hoàn thành được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Vì vậy, công ty cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và có phương án khắc phục những tồn tại trong hoạt động kinh doanh của công ty. Cụ thể:

- Trong sản xuất:

- Ban lãnh đạo công ty cần củng cố công tác quản lý điều hành; sắp xếp hợp lý và khai thác hiệu quả các mặt bằng kho bãi.
- Các mảng gia công ngoài cần được quan tâm nhiều hơn đặt biệt là trong khâu kiểm tra, giám sát, tránh thất thoát tài sản công ty.
- Đặc biệt, việc quản lý chi phí cần được tăng cường và có chính sách linh hoạt cho từng khoản mục, từng giai đoạn nhằm đảm bảo phân bổ chi phí hợp lý cho từng hoạt động, tiết kiệm, mang lại hiệu quả cho công ty.

- Trong kinh doanh địa ốc, văn phòng công ty:

- Tập trung vào các dự án đang đầu tư như Phú Mỹ, Đào Trí, và có kế hoạch triển khai đồng bộ, chi tiết cho những kế hoạch này.
- Xác định lại các khoản chi phí phát sinh từ những dự án đầu tư, kinh doanh cũ để đưa ra phương án xử lý kịp thời, phù hợp.
- Xây dựng chính sách phù hợp để nhanh chóng kinh doanh các căn hộ còn lại và khai thác hiệu quả toàn nhà 194 Nguyễn Công Trứ.
- Lên phương án rà soát, kiểm tra, đánh năng lực của cán bộ nhân viên từng bộ phận nhằm có kế hoạch đào tạo tuyển dụng hợp lý, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng nhân sự.



Tình hình tài chính

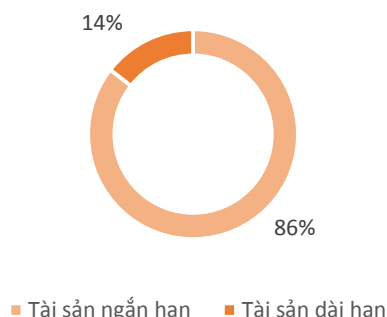
Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2013	Tỉ trọng (%)	2014	Tỉ trọng (%)	% tăng/giảm so với 2013
Tài sản ngắn hạn	559.348	85,53%	455.805	78,36%	-18,51%
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.013	5,19%	83.448	18,31%	187,62%
Các khoản phải thu	141.694	25,33%	121.510	26,66%	-14,24%
Hàng tồn kho	363.780	65,04%	231.159	50,71%	-36,46%
Tài sản ngắn hạn khác	24.861	4,44%	19.688	4,32%	-20,81%
Tài sản dài hạn	94.600	14,5%	131.907	22,44%	39,44%
Tài sản cố định	61.907	65,44%	74.617	56,57%	20,53%
Bất động sản đầu tư	732	0,77%	17.283	13,10%	2259,51%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.957	11,58%	11.000	8,34%	0,39%
Tài sản dài hạn khác	21.003	22,20%	29.006	21,99%	38,10%
TỔNG TÀI SẢN	653.948	100%	587.712	100%	-10,13%

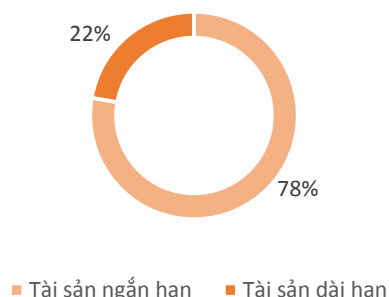
Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2013	Tỉ trọng (%)	2014	Tỉ trọng (%)	% tăng/giảm so với 2013
Nợ ngắn hạn	350.551	94,23%	309.914	92,80%	-11,59%
Nợ dài hạn	21.468	5,77%	24.043	7,20%	11,99%
Tổng nợ phải trả	372.019	100%	333.957	100%	-10,23%

Cơ cấu tài sản năm 2013

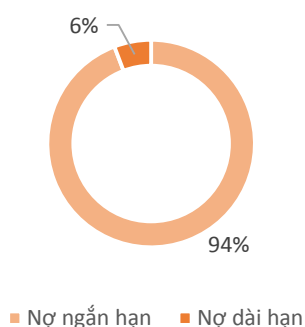


Cơ cấu tài sản năm 2014

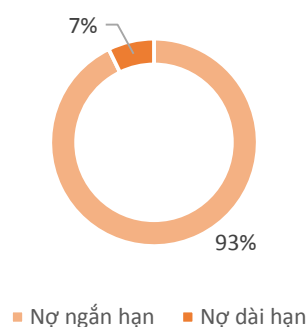


Trong năm 2014, tổng giá trị tài sản của Savimex giảm 10% so với cùng kỳ năm 2013, đạt giá trị gần 588 tỷ đồng. Tổng tài sản giảm chủ yếu do giá trị tài sản ngắn hạn giảm 18,51%. Trong đó, nếu xem xét về tỷ trọng thì hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn đã giảm hơn 100 tỷ đồng, khoản 36% so với năm 2013. Nguyên nhân là do các dự án bất động sản đầu tư dở dang đã được đẩy mạnh tiến độ và hoàn tất đưa vào kinh doanh. Doanh thu đến từ mảng địa ốc đã làm tăng dòng tiền của công ty đáng kể.

Cơ cấu nợ năm 2013



Cơ cấu nợ năm 2014



Tổng nợ phải trả năm 2014 của công ty giảm 10% chủ yếu là do cắt giảm nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, cơ cấu nợ ngắn hạn chiếm đến hơn 90% tổng nợ của công ty, các khoản vay ngắn hạn của công ty trong năm cũng tăng cao tạo áp lực trả cho công ty khi các khoản nợ vay trên đáo hạn.

Nợ dài hạn gia tăng 12% trong năm chủ yếu là do công ty gia tăng khoản vay dài hạn của công ty. Tác động kép từ việc gia tăng khoản vay ngắn hạn và dài hạn đã làm gia tăng chi phí tài chính công ty trong năm, góp phần làm giảm lợi nhuận của công ty.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ các phòng ban Công ty để sắp xếp kiện toàn cơ cấu theo yêu cầu, mục tiêu chung Công ty. Năm 2014, Công ty đã được tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chuyển chức năng hoạt động Trung tâm xây dựng Savihomes trực thuộc Hội đồng Quản trị quản lý nhằm phát huy tối đa thế mạnh và khai thác triệt để hiệu quả mảng kinh doanh này.

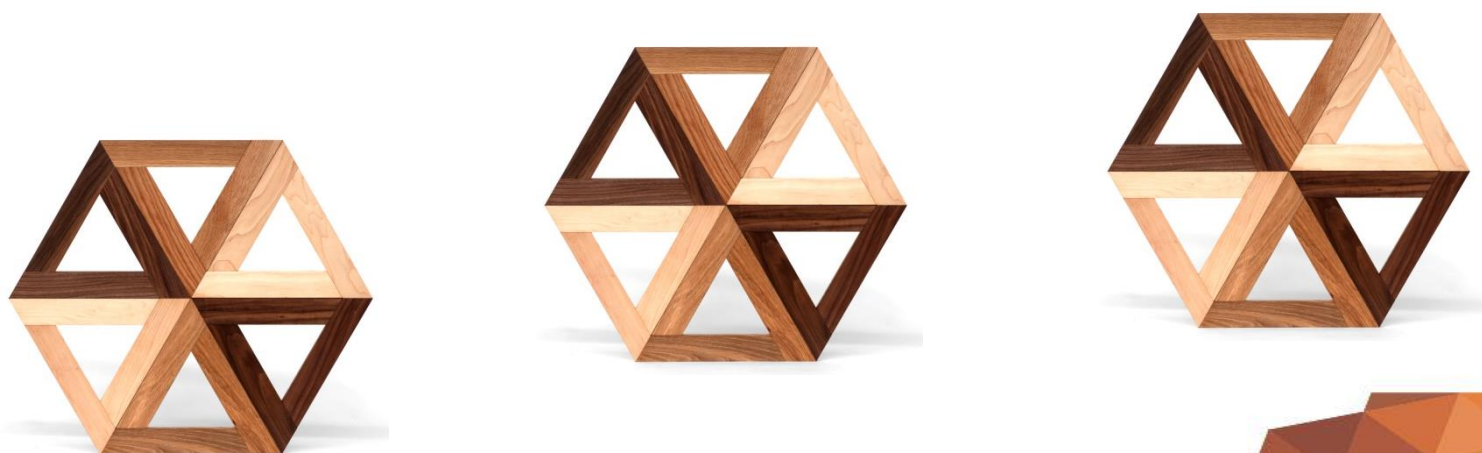
Chức năng hoạt động các phòng ban đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo hướng quản lý tập trung, hỗ trợ ngày càng nhiều cho các đơn vị trực thuộc nhằm đem lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho công ty.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015
Tổng doanh thu	Triệu đồng	730.148
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu đồng	562.315
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	167.834
Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	Triệu đồng	13.816
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Triệu đồng	10.032

Đơn vị	ĐVT	Kế hoạch 2015
Nhà máy Satimex	Triệu đồng	13.086
Xí nghiệp SaviDecor	Triệu đồng	350
Xí nghiệp SaviPack	Triệu đồng	1.201
TTXD SaviHomes	Triệu đồng	17.200
Văn phòng công ty	Triệu đồng	(18.021)
Tổng cộng	Triệu đồng	13.816



Căn cứ hoàn thành kế hoạch:

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch nêu trên công ty tập trung chủ yếu vào các mục tiêu sau:

-  Duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an toàn tài sản và người lao động.
-  Điều chỉnh giá bán hàng xuất khẩu với khách hàng lâu năm từ 3-7%. Đối với khách hàng mới, khách hàng nhỏ lẻ, ban điều hành sẽ nghiên cứu chính sách giá phù hợp, hiệu quả.
-  Tiếp tục chương trình cải tiến năng suất lao động thông qua việc ổn định lao động, đẩy mạnh đào tạo đồng thời có chính sách khuyến khích tạo động lực cho CB-NV tích cực đóng góp.
-  Song song đó, công ty thực hiện tăng cường công tác nghiệp vụ, công tác quản lý phụ vụ cho sản xuất kinh doanh.
-  Cân đối hài hòa giữa đơn hàng với năng lực sản xuất nội bộ và các nhà thầu phụ
-  Áp dụng các biện pháp duy trì giá cả đầu vào, giải quyết nhanh và có phương án thay thế nhà cung cấp thường xuyên gây áp lực tăng giá nhưng chất lượng không ổn định.
-  Giải quyết nhanh yêu cầu của khách hàng đặc biệt là ở các dự án kinh doanh địa ốc, tăng cường công tác giám sát, đôn đốc, giải quyết nhanh các vướng mắc phát sinh với chính quyền địa phương



Các đơn vị trực thuộc cũng cần theo đuổi nhưng mục tiêu cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch của bộ phận mình. Cụ thể:

– **Xí nghiệp Savidecor:**

- 🌐 Đào tạo công nhân đảm trách được tối thiểu 2 công đoạn, tăng cường kiểm tra ngày công lao động, kỷ luật tại xí nghiệp nhằm tăng hiệu suất lao động cắt giảm nhiều chi phí bất hợp lý.
- 🌐 Lập kế hoạch bán lẻ rõ ràng, chi tiết; làm việc cụ thể với chủ đầu tư để đánh giá mức độ khả thi của dự án, đơn hàng; xây dựng kế hoạch nghiệm thu, quyết toán các dự án đã thực hiện nhanh chóng, chính xác.
- 🌐 Liên kết với nhà máy Satimex về đơn hàng gia công, đảm bảo có đủ đơn hàng để xí nghiệp hoạt động hết công suất.

– **Nhà máy Satimex:**






- 🌐 Đảm bảo nguồn nhân sự ổn định, chất lượng cao, sử dụng thành thạo máy móc thiết bị, có thể đảm đương nhiều công đoạn trong quy trình sản xuất thành phẩm.
- 🌐 Phân loại nhân sự theo trình độ và hiệu quả lao động, có chính sách khuyến khích cán bộ tiêu biểu có đóng góp tích cực, tinh giảm nhân sự không hiệu quả, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp, tiết kiệm.

- 🌐 Xây dựng cơ cấu giá chi tiết trong năm 2015 và có thông báo với khách hàng, tranh thủ đơn hàng trong mùa thấp điểm.









– **Khối văn phòng công ty:**

-  Xây dựng chi tiết đánh giá hiệu quả làm việc của CB –NV để làm cơ sở điều chỉnh thu nhập, đề bạt, điều chuyển công tác, khen thưởng, kỷ luật áp dụng cho toàn công ty.
-  Tập trung kiểm soát quỹ lương, thưởng phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, tiết giảm các chi phí hành chính phù hợp với kế hoạch công ty. Chi phí nguyên vật liệu cũng phải được kiểm soát chặt chẽ, chuyển đổi dần từ nhập khẩu sang sử dụng nguyên liệu trong nước.
-  Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ các phòng ban đủ khả năng dự báo tình hình hoạt động và xây dựng được phương án xử lý kịp thời, hiệu quả.
-  Đánh giá lại toàn bộ khách hàng của công ty, qua đó phân loại được khách hàng, lựa chọn khách hàng tiềm năng.
-  Kiểm soát chặt tình hình tài chính, chi phí gián tiếp, thuế nhập khẩu, tranh thủ nguồn vay ưu đãi.

– **Xí nghiệp bao bì Savipack:**

-  Đào tạo kỹ năng quản lý cho Ban quản đốc xưởng, đồng hồ huấn luyện nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
-  Rà soát toàn bộ các khâu sản xuất, giảm hao phí, tránh thất thoát cho công ty. Bên cạnh đó, chính sách lương thưởng ở các khâu cũng cần được nghiên cứu và xây dựng chi tiết nhằm đảm bảo chi phí lương là phù hợp với năng suất lao động.
-  Với đối tác, công ty cần làm việc với Việt hoàng để lấy lại đơn hàng, song song đó xây dựng phương án kinh doanh hiệu quả cho mùa thấp điểm, phát triển các nhà thầu phụ để giải quyết đơn hàng nhỏ lẻ.
-  Chính sách giá cần được nghiên cứu và xây dựng linh hoạt, cạnh tranh nhằm thu hút thêm nhiều khách hàng mới.



Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của kiểm toán loại trừ:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí lãi vay cho các khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 4.986.757.981 đồng và phân bổ vào các dự án là 5.345.729.921 đồng.

Ý kiến kiểm toán loại trừ của Công ty Kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu của tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam

Đơn vị xin có ý kiến như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Cty Savimex là sản xuất, xuất khẩu đồ gỗ; bất động sản; Trong năm 2014 đơn vị có thực hiện vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Sản xuất và hoạt động dự án) – việc vay vốn là cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án tại Đơn vị. Quá trình sử dụng vốn tại đơn vị không thể phân định rõ ràng vì trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sự biến động về sử dụng vốn thay đổi liên tục nên đơn vị phân bổ một phần chi phí lãi vay như trên vào hoạt động dự án. Hiện tại, do tình hình chung bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn, các dự án dở dang triển khai chậm. Khi dự án hoàn thành, đủ điều kiện ghi nhận doanh thu đơn vị sẽ kết chuyển lãi lỗ theo quy định,

Đơn vị xin giải trình cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán được biết,

Trân trọng,



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Khắc Thanh



LIM HONG JIN

Nơi nhận :

- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở GDCK - TP.HCM
- Lưu





Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

- Năm 2014, Savimex gặp khá nhiều khó khăn trong kinh doanh do ảnh hưởng từ chính sách thuế tiêu dùng và dự báo tình trạng giảm phát ở thị trường Nhật Bản. Các khoản mục chi phí trong năm của công ty tăng cao như chi phí lương, chi phí phục vụ cho các dự án địa ốc. Thị trường kinh doanh bán lẻ gỗ cũng có sự sụt giảm trong sức mua và vướng phải khó khăn vì cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp nghiệp khác làm kết quả kinh doanh cuối năm của công ty không được như mong đợi. Tuy nhiên, công ty cũng đã thực hiện được một số kết quả đáng ghi nhận như sau:
- Công tác tổ chức nhân sự, tiền lương: cân đối giữa chi phí tiền lương và năng suất lao động, đào tạo được đội ngũ nhân viên có tay nghề, năng suất làm việc cao, có kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa bộ máy quản lý phục vụ cho nhu cầu của nhà máy.
- Công tác chuẩn bị sản xuất: công ty đã tập trung rà soát, cân đối nguyên vật liệu, vật tư đảm bảo cho sản xuất. Triển khai kịp thời và đầy đủ thông tin đơn hàng theo kế hoạch, xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công sản xuất với mục tiêu tận dụng tối đa năng lực sản xuất của các xưởng sản xuất đáp ứng kế hoạch đề ra. Điều phối lao động hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu về tiến độ sản xuất hoàn thành kế hoạch và đảm bảo uy tín với khách hàng.
- Công tác quản lý chất lượng, môi trường, gia công ngoài: thực hiện tốt công tác chuẩn bị kế hoạch chất lượng thông qua hàng mẫu, hàng triển lãm, tổ chức họp để thống nhất ban hành quy trình sản xuất chính thức. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra chất lượng, quy trình. Phân công quản đốc chịu trách nhiệm quản lý máy móc thiết bị trực thuộc nhà xưởng do mình quản lý.
- Công tác thị trường – khách hàng: theo dõi chặt chẽ tình hình giá cả nguyên vật liệu để có chính sách điều chỉnh giá hợp lý. Bước đầu tiếp cận thị trường Hàn Quốc.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc công ty trong năm đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị công ty. Công tác sản xuất kinh doanh được Ban điều hành duy trì ổn định và liên tục, vượt qua được những tác động tiêu cực của thị trường, khắc phục tồn tại trong bản thân công ty tạo cơ hội phát triển trong tương lai.
- Định kỳ hằng tháng, quý, Ban giám đốc phối hợp cùng các phòng ban kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, kiểm soát chi phí,.. nhằm kịp thời có phương hướng chỉ đạo tháo gỡ khó khăn.






Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Để có sự chuyển biến tích cực trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 công ty cần chú trọng hơn nữa các công tác sau:

- Phát huy tối đa hiệu suất của các thiết bị máy móc đã đầu tư mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu suất lao động.
- Khai thác thị trường mới như Hàn Quốc kết hợp với việc củng cố mối quan hệ với khách hàng nhằm tạo uy tín đảm bảo mối quan hệ hợp tác lâu dài, đảm bảo đầu ra ổn định cho công ty.
- Xây dựng chính sách quản lý chi phí chặt chẽ từ khâu sản xuất đến sản phẩm đầu ra theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

-  Hội đồng Quản trị
-  Ban Kiểm soát
-  Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD



Hội đồng quản trị

Ông KIM SOUNG GYU – CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1968

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Số lượng cổ phần nắm giữ: - Đại diện vốn 4.044.846 cổ phiếu – chiếm 40,6%

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%

Ông TRẦN NHƯ TÙNG – PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày tháng năm sinh: 15/9/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%



Bà HUỖNH THỊ THU SA - THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 14/12/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%

Ông Bùi Ngọc Quới – Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc

Xem nội dung thành viên Ban điều hành

Ông Lee Jung Won – Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc

Xem nội dung thành viên Ban Điều hành

Ông Kim Hyun Jun – Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc

Xem nội dung thành viên Ban điều hành



Ông Lim Hong Jin – Thành viên HĐQT

Xem nội dung thành viên Ban Điều hành



Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty đã làm việc rất tích cực, luôn dõi theo tình hình công ty và đưa ra các Nghị quyết kịp thời cho các vấn đề phát sinh. Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện tổng cộng 07 cuộc họp.

Tại cuộc họp, Hội đồng Quản trị thường xuyên xem xét kĩ tình hình để có đường lối chỉ đạo kịp thời công tác quản lý điều hành hoạt động của công ty theo Kế hoạch Tổng giám đốc đề ra. Các hoạt động trong năm 2014 nhằm:

- 📌 Đánh giá kết quả hoạt SXKD năm 2013, xây dựng kế hoạch và theo dõi hoạt động năm 2014 so với kế hoạch đề ra.
- 📌 Tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đúng luật định.
- 📌 Chi trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông.
- 📌 HĐQT đã phân công 03 thành viên phụ trách chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc tài chính và Phó Tổng Giám đốc sản xuất. Ba thành viên này đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua các báo cáo hàng tháng.
- 📌 Thay đổi Tổng Giám đốc ngày 30/12/2014 (ông Bùi Ngọc Quới) thay bằng ông Lim Hong Jin.
- 📌 Dời Văn phòng Công ty, Savihomes từ 194 Nguyễn Công Trứ về Nhà máy Satimex.

Thành viên dự họp Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Kim Soung Gyu	Chủ tịch	6/7	85%	Bận công tác
2	Trần Như Tùng	Phó Chủ tịch	7/7	100%	
3	Bùi Ngọc Quới	Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc	6/7	85%	Bận công tác
4	Lee Jung Won	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	5/7	100%	
5	Kim Hyun Jun	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	5/7	100%	
6	Lim Hong Jin	Thành viên HĐQT	5/6	100%	Bổ nhiệm từ ngày 10/10/2014
7	Huỳnh Thị Thu Sa	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
8	Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên HĐQT	1/1		Từ nhiệm ngày 10/10/2014

Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm, tổng cộng đã có 13 Nghị quyết, 4 biên bản, 15 Quyết định được Hội đồng Quản trị thông qua trong năm 2014.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	03/SAVHĐQT/NQ-2014	06/3/2014	Tạm ứng cổ tức năm 2014
02	04/SAVHĐQT/NQ-2014	20/3/2014	Chấp thuận cho bán cổ phiếu quỹ hiện có của công ty.
03	04/SAVHĐQT/NQ-2014	28/3/2014	Báo cáo kết quả HĐSXKD năm 2013 Về kế hoạch năm 2014; chủ trương bán CPQ. Về kế hoạch chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014.
04	07/SAVHĐQT/NQ-2014	14/5/2014	Chấp thuận cho PTGD phụ trách sản xuất từ nhiệm, thôi việc.
05	08/SAVHĐQT/NQ-2014	18/4/2014	Tái bổ nhiệm TGD điều hành công ty.
06	09/SAVHĐQT/NQ-2014	21/4/2014	Về thủ tục nhóm cổ đông là TV nội bộ giới thiệu ứng cử TV HĐQT, BKS công ty nhiệm kỳ 2014-2019 và việc nhóm cổ đông là TV nội bộ ủy quyền cho các cá nhân tham dự HĐQT. Bổ sung tờ trình của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên xem xét quyết định. Về kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014. Bổ sung nhân sự ban TGD
07	10/SAVHĐQT/NQ-2014	21/4/2014	Trích Nghị quyết 09/SAVHĐQT/NQ-2014 về việc Bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên HĐQT từ nhiệm.
08	11/SAVHĐQT/NQ-2014	23/4/2014	Bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên HĐQT từ nhiệm.
09	01/SAVHĐQT/NQ-2014	25/4/2014	Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên.
10	12/SAVHĐQT/NQ-2014	11/7/2014	Quyết định mức phụ cấp cho Thư ký HĐQT.
11	13/SAVHĐQT/NQ-2014	11/7/2014	Ban hành sơ đồ tổ chức mới Công ty Savimex.
12	14/SAVHĐQT/NQ-2014	11/7/2014	Quyết nghị bán Cổ phiếu Quỹ
13	15/SAVHĐQT/NQ-2014	10/10/2014	Bổ nhiệm Lim Hong Jin làm Phó TGD điều hành; Lee Jung Won làm Phó TGD sản xuất. Sửa sơ đồ tổ chức cty Từ nhiệm ủy viên HĐQT là bà Nguyễn Minh Hào. Bổ sung TV HĐQT mới (Mr.Lim) thay thế bà Hào.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01 /SAV/HĐQT/QĐ- 2014	01/1/2014	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính công ty.
02	04/SAV/HĐQT/QĐ-2014	28/4/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành công ty.
03	05/SAV/HĐQT/QĐ-2014	28/4/2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám phụ trách Tài chính.
04	06/SAV/HĐQT/QĐ-2014	28/4/2014	Bổ nhiệm Thư ký HĐQT.
05	08/SAV/HĐQT/QĐ-2014	19/5/2014	Ban hành quy chế thực hiện dân chủ tại công ty cổ phần Savimex
06	09/SAV/HĐQT/QĐ-2014	28/5/2014	Chỉ định thư ký HĐQT
07	10/SAV/HĐQT/QĐ- 2014	20/07/2014	Ủy quyền Mr Tùng thay mặt Chủ tịch HĐQT ký các văn bản liên quan.
08	11/SAV/HĐQT/QĐ- 2014	01/10/2014	Quyết định mức lương hỗ trợ nơi ở cho Phó TGD Lee,
09	12/SAV/HĐQT/QĐ-2014	10/10/2014	Bổ nhiệm Phó TGD điều hành,
10	13/SAV/HĐQT/QĐ-2014	10/10/2014	Điều chỉnh chức danh ông Lee từ Phó TGD điều hành thành Phó TGD sản xuất
11	14/SA V/HĐQT/QĐ- 2014	10/10/2014	Ban hành Sơ đồ tổ chức mới Cty Savimex
12	15/SA V/HĐQT/QĐ- 2014	10/10/2014	Chấp nhận đơn từ nhiệm Bà Hảo - ủy viên HĐQT từ ngày 10/10/2014
13	16/SAV/HĐQT/QĐ-2014	31/12/2014	Ban hành sơ đồ tổ chức mới Cty Savimex
14	17/SA V/HĐQT/QĐ- 2014	31/12/2014	Miễn nhiệm chức vụ TGD cty Savimex.
15	18/SAV/HĐQT/QĐ- 2014	31/12/2014	Thay đổi ông Lim làm người đại diện Pháp luật cty Savimex

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị: công ty chưa thành lập các tiểu ban



Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Bà PHẠM THỊ THANH THÙY – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ cổ phần: 0%

Ông KIM DONG JU – THÀNH VIÊN BKS

Ngày tháng năm sinh: 12/7/1967

Quốc tịch: Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ cổ phần: 0%



Ông NGUYỄN HỮU TUẤN – THÀNH VIÊN BKS

Ngày tháng năm sinh: 07/02/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ cổ phần: 0%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của công ty và các chứng từ, sổ sách kế toán liên quan, thẩm định báo cáo tài chính do đơn vị lập, trình báo cáo kiểm tra đánh giá báo cáo quý và năm.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Các đơn vị trong công ty, HĐQT, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng
1	Hội đồng quản trị	396.900.000	80.400.000
	Lê Minh Trang	23.000.000	5.000.000
	Nguyễn Nhân Nghĩa	17.760.000	4.000.000
	Nguyễn Thế Lữ	18.160.000	4.000.000
	Lê Toàn	16.160.000	4.000.000
	Võ Hữu Thiện	16.160.000	4.000.000
	Dương Hải	16.160.000	4.000.000
	Bùi Ngọc Quới	32.000.000	6.400.000
	Kim Sung Gyu	40.000.000	8.000.000
	Trần Như Tùng	32.000.000	6.400.000
	Lim Hong Jin	8.000.000	1.600.000
	Kim Hyun Jun	32.000.000	6.400.000
	Lee Jung Won	32.000.000	6.400.000
	Huỳnh Thị Thu Sa	32.000.000	6.400.000
	Nguyễn Minh Hào	24.000.000	4.800.000
	Đỗ Vũ Tường (Thư ký HĐQT)	32.500.000	4.000.000
	Lương Thị Phước Hạnh (Thư ký HĐQT)	25.000.000	5.000.000
2	Ban kiểm soát	126.950.000	12.000.000
	Khổng Kim Mai	15.350.000	4.000.000
	Võ Hoàng Chương	12.000.000	2.000.000
	Trương Thị Mai Anh	19.600.000	2.000.000
	Phạm Thị Thanh Thủy	32.000.000	4.000.000
	Kim Dong Ju	24.000.000	
	Nguyễn Hữu Tuấn	24.000.000	
3	Ban điều hành	3.142.175.300	60.000.000
	Bùi Ngọc Quới (Tổng Giám đốc)	806.300.000	60.000.000
	Lim Hong Jin (P.TGD)	321.876.900	-
	Lee Jung Won (P.TGD)	1.160.791.200	-
	Kim Hyun Jun (P.TGD)	853.207.200	-
4	Phạm Hoàng Sơn (Kế toán trưởng)	291.800.000	23.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Giao dịch	Thời gian thực hiện
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc	84.095	0,88%	89.095	0,93%	Mua	14/02 - 10/3/2014
2	Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc	89.095	0,93%	88.145	0,92%	Bán	07/5 - 5/6/2014
3	Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc	88.145	0,92%	23.085	0,24%	Bán	11/8 - 08/9/2014
4	Phạm Hoàng Sơn	Kế toán trưởng	4.280	0,04%	5.000	0,05%	Mua	03/10 - 31/10/2014

Người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Giao dịch	Thời gian thực hiện
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Quý đầu tư Việt Nam	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa là TGD	1.878.195	19,63%	-	-	Bán	18/4/2014
2	CT CP Bất động sản Sài Gòn Vina	Ông Võ Hữu Thiện là CT HĐQT	501.650	5,24%	-	-	Bán	18/4/2014
3	Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Bà Lê Minh Trang là Tổng giám đốc	1.350000	14,11%	-	-	Bán	18/4/2014

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Giao dịch	Thời gian thực hiện
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Vietnam Property Holding	2.328.380	24,34%	-	-	Bán	18/4/2014
2	E-land Asia Holdings Pte., Ltd	0	0,00%	3.824.846.00	39,98%	Mua	23/4/2014 và 11/6/2014

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Savimex cam kết thực hiện đúng các quy định về quản trị công ty, tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**







Lim

LIM HONG JIN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

-  Bảng cân đối kế toán
-  Kết quả kinh doanh
-  Lưu chuyển dòng tiền
-  Thuyết minh BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2014
của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX

Kính gửi:

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX** được lập ngày 26/01/2015 từ trang 7 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí lãi vay cho các khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 4.986.757.981 đồng và phân bổ vào các dự án là 5.345.729.912 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX** tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên



Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		455.805.111.535	559.348.052.574
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	83.448.281.096	29.013.005.062
1. Tiền	111		72.783.219.597	18.468.168.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.665.061.499	10.544.836.256
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		121.510.138.724	141.693.999.329
1. Phải thu khách hàng	131		146.931.963.916	124.325.436.615
2. Trả trước cho người bán	132		12.064.506.871	40.440.845.968
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	8.766.529.087	11.915.166.675
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(46.252.861.150)	(34.987.449.929)
IV. Hàng tồn kho	140	3	231.158.876.953	363.780.273.179
1. Hàng tồn kho	141		235.826.608.783	365.871.982.904
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.667.731.830)	(2.091.709.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.687.814.762	24.860.775.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		169.598.668	1.326.544.788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.783.541.871	9.956.600.153
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4	2.102.534.964	2.570.417.853
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	10.632.139.259	11.007.212.210
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	200		131.906.541.592	94.599.969.162
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN

II. Tài sản cố định	220		74.617.358.472	61.907.032.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	69.955.081.098	56.904.682.923
- Nguyên giá	222		156.401.509.958	138.343.615.358
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86.446.428.860)	(81.438.932.435)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	4.662.277.374	4.707.575.189
- Nguyên giá	228		6.792.156.176	6.564.883.449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.129.878.802)	(1.857.308.260)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	294.774.742
III. Bất động sản đầu tư	240	9	17.283.120.655	732.488.423
- Nguyên giá	241		18.635.142.610	1.936.218.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1.352.021.955)	(1.203.730.551)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	10.999.788.614	10.957.238.148
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.1	13.120.448.561	13.120.448.561
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	10.2	(2.120.659.947)	(2.163.210.413)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.006.273.851	21.003.209.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	28.114.673.851	20.002.457.069
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	109.152.668
3. Tài sản dài hạn khác	268		891.600.000	891.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		587.711.653.127	653.948.021.736

NGUỒN VỐN

A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		333.956.903.702	372.018.665.588
I. Nợ ngắn hạn	310		309.913.905.727	350.550.838.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	175.914.626.966	141.183.053.452
2. Phải trả người bán	312		66.396.614.570	77.756.183.942
3. Người mua trả tiền trước	313		31.809.562.944	61.842.589.816
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.335.482.146	1.906.550.499
5. Phải trả công nhân viên	315		7.714.060.256	7.015.497.918
6. Chi phí phải trả	316	14	242.542.347	10.329.467.891
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	22.337.747.331	50.764.242.209
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	19.5	(836.730.833)	(246.747.542)
II. Nợ dài hạn	330		24.042.997.975	21.467.827.403
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		598.123.000	477.123.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	20.231.491.149	14.291.143.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	3.213.383.826	6.699.561.403
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400	19	253.754.749.425	281.929.356.148
I. Vốn chủ sở hữu	410		253.754.749.425	281.929.356.148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.634.500.000	99.634.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		144.032.786.110	144.032.786.110
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.321.889	11.948.321.889
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.029.104.659	2.029.104.659
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(24.012.581.056)	4.162.025.667
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		27.437.898.919	27.437.898.919
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		587.711.653.127	653.948.021.736

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)		179.975.000	276.475.000
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (YEN)		46.246.822	138.224.947
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (USD)		60.200	193.240
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.429.008,73	770.688,95
- EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	662.295.013.521	551.467.190.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		41.040.250	174.406.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		662.253.973.271	551.292.784.106
4. Giá vốn hàng bán	21	606.806.713.582	493.241.274.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.447.259.689	58.051.509.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.975.296.681	4.256.145.851
7. Chi phí tài chính	22	7.289.303.027	4.297.910.208
+ Trong đó: chi phí lãi vay		5.064.572.659	1.921.079.617
8. Chi phí bán hàng		14.357.108.902	12.764.700.279
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		51.101.855.099	41.355.603.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.325.710.658)	3.889.441.262
11. Thu nhập khác	20.3	1.209.043.883	2.489.853.068
12. Chi phí khác	23	7.223.757.317	550.343.026
13. Lợi nhuận khác		(6.014.713.434)	1.939.510.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(20.340.424.092)	5.828.951.304
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	3.465.806.616	1.704.109.736
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	109.152.668	(37.184.099)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(23.915.383.376)	4.162.025.667
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	(2.500)	435

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Võ Vĩnh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Lâm Hồng Jin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Chi tiêu	Thuyết minh	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
		Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		(20.340.424.092)	5.828.951.304
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ		5.428.358.371	8.532.171.522
- Các khoản dự phòng		13.798.882.860	(4.153.810.047)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		579.243.686	21.064.268
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(630.773.414)	(2.749.449.051)
- Chi phí lãi vay		5.064.572.659	1.921.079.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.899.860.070	9.400.007.613
- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.934.932.267	(3.876.835.814)
- Tăng, giảm hàng tồn kho		130.045.374.121	26.357.912.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả		(77.272.724.278)	(58.041.807.923)
- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.955.270.662)	(2.782.377.405)
- Tiền lãi vay đã trả		(9.156.185.957)	(10.937.630.247)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.518.568.899)	(347.299.748)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		524.050.000	493.667.087
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.967.631.168)	(3.727.100.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		50.533.835.494	(43.461.464.566)

II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(44.350.779.828)	(28.231.446.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	(47.241.245)	109.848.484
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác	-	(45.062.937.398)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ cho đơn vị khác	10.554.204.831	65.333.101.142
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi vốn góp từ đơn vị khác	1.159.840.055	5.536.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.572.816.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(32.683.976.187)	(742.618.593)

III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp khác của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã PH	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	443.443.310.957	367.468.950.351
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(402.771.389.294)	(326.740.769.031)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.872.164.360)	(7.073.701.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	36.799.757.303	33.654.480.179

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)

54.649.616.610 (10.549.602.979)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

29.013.005.062 39.625.065.490

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

(214.340.576) (62.457.449)

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)

31 83.448.281.096 29.013.005.062

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Võ Vĩnh Đạt

Phạm Hoàng Sơn

Lâm Hồng Jin

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 11, ngày 02/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 99.634.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2014 là 99.634.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh hàng xuất nhập khẩu lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại (trừ sản xuất thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải, chế biến gỗ, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cơ khí, xi mạ điện); Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xây dựng và kinh doanh nhà; Mua bán xe máy, xe đạp, máy vi tính và thiết bị máy vi tính; Vận tải xăng dầu; Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas) (không mua bán tại trụ sở), bếp ga, đồ dùng cá nhân và gia đình, bách hóa, mỹ phẩm; Sửa chữa, lắp ráp xe đạp; Mua bán điện thoại di động, cổ định; Cho thuê nhà; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. *Nguyên tắc ghi nhận:* Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3.14. Công cụ tài chính

3.14.1. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	559.872.676	215.328.803
Tiền gửi ngân hàng	72.223.346.921	18.252.840.003
Tiền gửi VND	41.862.627.357	2.040.627.251
Tiền gửi ngoại tệ	30.360.719.564	16.212.212.752
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	10.665.061.499	10.544.836.256
Tổng cộng	83.448.281.096	29.013.005.062

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2014 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
	8.766.529.087	11.915.166.675
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	8.766.529.087	11.915.166.675
<i>Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2014 là:</i>		
Cty CP, ĐT XD và May thêu Tân Tiến	5.094.736.390	
Cty CP Điện lực Sài Gòn Vũng	492.552.061	
Ban Quản Lý DA Khu DC Bình Hòa	866.395.624	
Cty CP. Đầu tư chứng khoán BSC	46.331.808	
Thuế Thu nhập cá nhân	1.275.135	
Hàng cho mượn	61.770.696	
Thuế GTGT tạm đóng trước theo BB hoàn thuế	74.270.829	
Thuế TNCN và Lệ phí trước bạ đền bù DA Phú Mỹ	709.269.700	
Các đối tượng khác	1.419.926.844	
Tổng cộng	8.766.529.087	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

3. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	37.652.761.528	52.485.116.277
- Công cụ, dụng cụ	176.001.855	322.496.793
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.160.019.621	278.708.956.388
Sản phẩm dở dang - Thành phẩm	24.232.945.349	29.814.361.419
Chi phí sản xuất dở dang - Trang trí nội thất	13.309.945.213	5.956.105.217
Chi phí sản xuất dở dang - Bất động sản đầu tư	129.617.129.059	242.938.489.752
<i>Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyễn - Quận 3</i>	<i>448.312.441</i>	<i>806.933.725</i>
<i>KDC Phú Thuận - Quận 7</i>	<i>416.284.838</i>	<i>446.232.722</i>
<i>Chung cư Ngọc Lan - Quận 7</i>	<i>9.593.438.166</i>	<i>53.401.514.719</i>
<i>Dự án Phú Mỹ - Quận 7</i>	<i>48.135.573.452</i>	<i>115.140.484.501</i>
<i>Dự án Đào Trí - Quận 7</i>	<i>69.513.408.488</i>	<i>69.373.408.488</i>
<i>KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12</i>	<i>208.231.718</i>	<i>232.078.742</i>
<i>KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh</i>	<i>1.117.771.901</i>	<i>1.402.975.588</i>
<i>Công trình Trường Cán Bộ- TP.HCM</i>	<i>184.108.055</i>	<i>184.108.055</i>
<i>Dự án DL & sinh thái Tuyền Lâm - Đà Lạt</i>	<i>-</i>	<i>1.950.753.212</i>
- Thành phẩm	29.539.675.449	24.365.627.353
- Hàng hoá	1.298.150.330	907.533.424
- Hàng gửi đi bán	-	558.090.761
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	8.524.161.908
Tổng cộng	<u>235.826.608.783</u>	<u>365.871.982.904</u>
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.667.731.830)	(2.091.709.725)

4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	252.477.830	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	1.850.057.134	2.570.417.853
+ Thuế nhập khẩu tạm nộp	<u>1.850.057.134</u>	<u>2.570.417.853</u>
Tổng cộng	<u>2.102.534.964</u>	<u>2.570.417.853</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
- Tạm ứng	529.557.041	905.098.753
<i>Tại Văn Phòng Công Ty</i>	<i>175.116.650</i>	<i>252.249.059</i>
<i>Nhà máy SATIMEX</i>	<i>261.003.791</i>	<i>229.483.005</i>
<i>XN. Trang trí nội thất - Savidecor</i>	<i>75.784.600</i>	<i>390.153.373</i>
<i>XN. Sản xuất bao bì - Savipack</i>	<i>17.652.000</i>	<i>33.213.316</i>
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.102.582.218	10.102.113.457
<i>Lãi tiền gửi ký quỹ SGD II</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.102.113.457</i>
<i>Các khoản ký quỹ khác</i>	<i>102.582.218</i>	
Tổng cộng	<u>10.632.139.259</u>	<u>11.007.212.210</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	54,520,079,878	71,511,352,749	9,890,594,295	1,677,461,361	744,127,075	138,343,615,358
2. Số tăng trong kỳ	754,445,000	24,164,733,542	2,395,094,923	-	110,310,000	27,424,583,465
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	754,445,000	24,164,733,542	2,395,094,923	-	110,310,000	27,424,583,465
- Đầu tư XDCN hoàn thành						
3. Số giảm trong kỳ	-	8,752,421,014	474,894,851	139,373,000	-	9,366,688,865
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	6,555,048,199	277,739,962	139,373,000		6,972,161,161
- Giảm khác		2,197,372,815	197,154,889			2,394,527,704
4. Số dư cuối kỳ	55,274,524,878	86,923,665,277	11,810,794,367	1,538,088,361	854,437,075	156,401,509,958
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	35,509,162,229	37,572,035,510	6,628,315,304	1,332,068,753	397,350,639	81,438,932,435
2. Khấu hao trong kỳ	3,275,596,092	6,574,983,901	902,578,291	77,794,602	122,214,900	10,953,167,786
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	3,275,596,092	6,574,983,901	902,578,291	77,794,602	122,214,900	10,953,167,786
- Tăng khác	-					
3. Giảm trong kỳ	-	5,596,513,705	242,084,656	107,073,000	-	5,945,671,361
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	5,458,151,127	235,520,204	107,073,000		5,800,744,331
- Giảm khác		138,362,578	6,564,452			144,927,030
4. Số dư cuối kỳ	38,784,758,321	38,550,505,706	7,288,808,939	1,302,790,355	519,565,539	86,446,428,860
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	19,010,917,649	33,939,317,239	3,262,278,991	345,392,608	346,776,436	56,904,682,923
2. Tại ngày cuối kỳ	16,489,766,557	48,373,159,571	4,521,985,428	235,298,006	334,871,536	69,955,081,098

Ghi chú: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

26,569,538,174 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý và tài sản không sử dụng

14,314,061,661 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	4.020.325.500		-	2.544.557.949	-	6.564.883.449
2. Số tăng trong kỳ	227.272.727	-	-	-	-	227.272.727
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	227.272.727					227.272.727
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	4.247.598.227	-	-	2.544.557.949	-	6.792.156.176
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	223.322.729		-	1.633.985.531	-	1.857.308.260
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	272.570.542	-	272.570.542
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ				272.570.542		272.570.542
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	223.322.729	-	-	1.906.556.073	-	2.129.878.802
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
1. Tại ngày đầu năm	3.797.002.771		-	910.572.418	-	4.707.575.189
2. Tại ngày cuối kỳ	4.024.275.498		-	638.001.876	-	4.662.277.374

Ghi chú: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Nhà Máy Satimex có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 4.024.275.498 đồng được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay ngắn hạn như một tài sản đảm bảo, theo như thuyết minh III.12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí XD/CB dở dang	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	294.774.742
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	-	294.774.742

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	1.936.218.974	16.698.923.636	-	18.635.142.610
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.936.218.974	16.698.923.636	-	18.635.142.610
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.203.730.551	148.291.404	-	1.352.021.955
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.203.730.551	148.291.404	-	1.352.021.955
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	732.488.423	16.550.632.232	-	17.283.120.655
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	732.488.423	16.550.632.232	-	17.283.120.655

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
10.1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (**)	13.120.448.561	13.120.448.561
10.2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.120.659.947)	(2.163.210.413)
Tổng cộng	10.999.788.614	10.957.238.148

(**) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

	Tỷ lệ vốn	31/12/2014 VND	Tỷ lệ vốn	01/01/2014 VND
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	42 %	13.120.448.561	49 %	13.120.448.561
Tổng cộng		13.120.448.561		13.120.448.561

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	296.520.292	858.642.309
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.645.867.540	1.753.678.654
Chi phí quảng cáo, môi giới cho DA, Ngọc Lan Q7	654.545.454	818.181.818
Chi phí thuê đất tại Khu CN Nhị Xuân	25.483.990.565	16.566.367.162
Bảo hiểm rủi ro cháy nổ 167 NPN	-	-
Bảng vẽ quảng cáo 234 Trường Sơn; 741 Hậu Giang	-	5.587.126
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.750.000	-
Tổng cộng	28.114.673.851	20.002.457.069

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
12.1. Vay ngắn hạn	175.914.626.966	141.183.053.452
- Vay ngân hàng	144.414.626.966	141.183.053.452
Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	73.833.929.623	50.428.105.417
Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	70.580.697.343	80.306.827.172
Ngân hàng Vietinbank, CN 11 TP.HCM	-	10.448.120.863
- Vay đối tượng khác	31.500.000.000	-
E.Land Việt Nam	31.500.000.000	-
12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	175.914.626.966	141.183.053.452

Tài sản đảm bảo:

1. Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 382/70 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp HCM (Hợp đồng thế chấp tài sản 07/2014/93890/HĐTC ngày 28/04/2014) - Hợp Đồng Tín Dụng 84/2014/93980/HĐTD ngày 26/03/2014.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của bên Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố Hợp đồng tiền gửi số 01/2012/93980 ngày 03/08/2012.

Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Các Hợp đồng bảo đảm khác có liên quan đến nghĩa vụ của bên Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex theo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

2. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q553359 do UBND Tp HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0232/NHNT ngày 21/06/2013.

3. Eland Việt Nam

Theo hợp đồng vay số 01/2014, Eland Việt Nam cho công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu Savimex vay bằng hình thức tín chấp.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	6.335.482.146	1.906.550.499
- Thuế GTGT	2.755.702.107	672.357.262
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	3.419.935.205	1.220.219.657
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	159.844.834	13.973.580
+ Thuế thu nhập cá nhân	159.844.834	13.973.580
+ Các loại thuế khác	-	-
13.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	6.335.482.146	1.906.550.499

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Chi phí sang nhượng QSDĐ dự án Bình Trị Đông	-	9.000.000.000
- Trích trước chi phí dự án Ngọc Lan, Everich, Satra, khác	-	779.932.699
- Trích trước chi phí lãi vay	242.542.347	194.544.740
- Chi phí độc hại	-	268.245.761
- Chi phí sửa chữa, khác	-	86.744.691
Tổng cộng	242.542.347	10.329.467.891

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	15.833.304.933	42.710.804.933
- Cty CP BĐS Điện lực Vina	-	3.305.503.345
- Phí bảo trì chung cư Ngọc Lan	4.380.199.680	2.778.537.286
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	379.867.714	248.838.712
- Kinh phí công đoàn	230.740.466	327.837.287
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.450.900	7.237.900
- Phí BH cháy nổ chung cư 167 NPN	191.658.310	191.658.310
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức phải trả	266.340.869	230.412.259
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.044.184.459	953.412.177
Tổng cộng	22.337.747.331	50.764.242.209

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
16.1. Vay dài hạn	20.231.491.149	14.291.143.000
- Vay ngân hàng	20.231.491.149	14.291.143.000
- Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	20.231.491.149	14.291.143.000
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
16.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	20.231.491.149	14.291.143.000

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Doanh thu chưa phần bổ DA Ngọc Lan	3.213.383.826	6.699.561.403
Tổng cộng	3.213.383.826	6.699.561.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	109.152.668
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ những năm trước	(109.152.668)	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	109.152.668
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	2.029.104.659	4.162.025.667
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(23.915.383.376)
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ						(23.915.383.376)
- Trích từ lợi nhuận năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	4.259.223.347
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển						-
. Quỹ Dự phòng tài chính						-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						-
- Chi thù lao, thưởng HĐQT và BKS						-
- Chia cổ tức						3.827.072.000
- Giảm khác						432.151.347
- Số dư cuối kỳ	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	2.029.104.659	(24.012.581.056)

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước - đại diện bởi TCTy TM Sài Gòn	-	0,00%	13.500.000.000	13,55%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)*	99.634.500.000	100,00%	86.134.500.000	86,45%
Thặng dư vốn cổ phần	144.032.786.110		144.032.786.110	
Cổ phiếu ngân quỹ (số lượng: 395.770 CP)	(7.315.281.096)		(7.315.281.096)	
Tổng cộng	236.352.005.014	100%	236.352.005.014	100%

Đơn vị tính: VND

(*): Trong năm 2014, vốn góp của các cổ đông, thành viên... Công ty SAVIMEX có thay đổi theo danh sách được công bố tại ngày 31/12/2014 dưới đây:

E.Land Asia Holdings (Singapore)	40.448.640.000	40,60%
Cty CP Chứng Khoán Bản Việt	18.881.950.000	18,95%
Vốn góp của các cổ đông khác	40.303.910.000	40,45%
Cộng	99.634.500.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp đầu năm	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	99.634.500.000	99.634.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.827.072.000	7.073.701.141

19.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

19.5. Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.963.450	9.963.450
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu thường	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	395.770	395.770
+ Cổ phiếu thường	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu thường	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.948.321.889	11.948.321.889
- Quỹ dự phòng tài chính	2.029.104.659	2.029.104.659
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(836.730.833)	(246.747.542)
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	27.437.898.919	27.437.898.919

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

19.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

19.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

19.6.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỷ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty .
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.
- d) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- e) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- f) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- g) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

SAVIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN
VÀ
P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
20.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	662.295.013.521	551.467.190.495
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	468.297.347.058	458.856.854.453
Doanh thu bán bất động sản	157.706.545.986	58.150.614.098
Doanh thu bất động sản đầu tư	3.587.134.400	7.061.423.844
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	25.891.796.433	20.153.805.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.812.189.644	7.244.492.331
- Các khoản giảm trừ doanh thu	41.040.250	174.406.389
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	31.854.054	108.399.378
+ Hàng bán bị trả lại	9.186.196	66.007.011
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	662.253.973.271	551.292.784.106
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	468.256.306.808	458.682.448.064
Doanh thu bán bất động sản	157.706.545.986	58.150.614.098
Doanh thu bất động sản đầu tư	3.587.134.400	7.061.423.844
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	25.891.796.433	20.153.805.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.812.189.644	7.244.492.331
20.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.975.296.681	4.256.145.851
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.159.840.055	1.572.816.009
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.574.592.847	2.683.329.842
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	240.863.779	-
20.3. Thu nhập khác	1.209.043.883	2.489.853.068
- Thanh lý tài sản cố định	1.008.181.819	158.181.818
- Kết chuyển công nợ lâu năm	38.791.445	644.315.536
- Thu phạt do vi phạm hợp đồng căn hộ Ngọc Lan	-	75.514.933
- Khách hàng đền bù tiền nguyên liệu	106.422.000	83.195.981
- Thu nhập khác	55.648.619	1.528.644.800
21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	446.260.492.839	410.152.122.249
Giá vốn bán bất động sản	135.673.842.353	57.977.041.240
Giá vốn bán hàng, trang trí nội thất	18.593.651.403	14.128.613.475
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.290.495.634	5.994.639.286
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.988.231.353	4.988.858.251
Tổng cộng	606.806.713.582	493.241.274.501

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí trả lãi vay	5.064.572.659	1.921.079.617
- Phí bảo lãnh But	36.248.292	534.104.117
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.550.466)	(53.990.258)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.507.692.652	1.741.412.846
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	476.583.791	-
- Chi phí tài chính khác	246.756.099	155.303.886
Tổng cộng	7.289.303.027	4.297.910.208

23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.055.423.064	48.333.334
- Phạt vi phạm hành chính thuế	403.869.556	11.100.000
- Kết chuyển công nợ lâu năm, thừa thiếu thanh toán	578.403.391	601
- Xử lý công nợ thuế GTGT của D/A Ngọc Lan và Phú Thuận	4.952.408.589	-
- Chi phí khác	233.652.717	490.909.091
Tổng cộng	7.223.757.317	550.343.026

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.465.806.616	1.704.109.736
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	3.465.806.616	1.704.109.736

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.340.424.092)	5.828.951.304
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	10.203.430.837	987.487.639
+ Các khoản điều chỉnh tăng	10.210.350.837	987.487.639
<i>Chi phí ngoại trừ khi tính thuế</i>	<i>9.741.810.226</i>	<i>838.751.242</i>
<i>Lỗ CLTG đánh giá cuối kỳ (tiền, công nợ phải thu)</i>	<i>468.540.611</i>	<i>148.736.397</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	6.920.000	-
<i>Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu</i>	<i>6.920.000</i>	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	(10.136.993.255)	6.816.438.943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Trong đó: - Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	16.249.814.926	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (22%) (a)	3.574.959.284	1.704.109.736
- Thuế TNDN phải nộp trên CLTG chưa thực hiện năm trước trở thành đã thực hiện trong năm nay (b)	(109.152.668)	
- Thuế TNDN còn phải nộp (a) + (b)	3.465.806.616	1.704.109.736

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(37.184.099)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	109.152.668	
Tổng cộng	109.152.668	(37.184.099)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	447.399.040.389	349.360.125.696
2. Chi phí nhân công	123.987.290.326	117.038.147.098
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	11.245.264.054	9.414.603.421
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.406.751.422	61.213.678.484
5. Chi phí khác bằng tiền	10.550.754.246	6.866.159.619
6. Chi phí dự phòng	11.676.577.146	3.468.864.169
Tổng cộng	672.265.677.583	547.361.578.487

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.915.383.376)	4.162.025.667
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(23.915.383.376)	4.162.025.667
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.567.680	9.567.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.500)	435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong năm thứ nhất	-	1.592.379.056
Trong năm thứ 2	-	1.548.552.110
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	1.504.725.163
Cộng	-	4.645.656.329

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 26,101m² tại cụm Công Nghiệp Nhị Xuân với giá thuê đất tạm tính 13,000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất từng lô. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

2. Cam kết không hủy ngang

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 056/HĐ-EVNLSG-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Điện Lực Sài Gòn Vina và Công ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế & Xuất Nhập Khẩu Savimex về việc hợp tác đầu tư dự án chung cư Ngọc Lan tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp HCM. Công ty cam kết góp 50% vốn chủ đầu tư tham gia vào dự án. Hai bên sẽ tiến hành chia sản phẩm từ dự án bao gồm các căn hộ và diện tích sàn kinh doanh thương mại theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%.

3. Công cụ tài chính

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (đuy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	196.146.118.115	155.474.196.452
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(83.448.281.096)	(29.013.005.062)
Nợ thuần	112.697.837.019	126.461.191.390
Vốn Chủ sở hữu	253.754.749.425	281.929.356.148
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	44,41%	44,86%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.448.281.096	29.013.005.062
Phải thu khách hàng	100.679.102.766	89.337.986.686
Phải thu khác	8.766.529.087	11.915.166.675
Ký quỹ ký cược	10.632.139.259	11.007.212.210
Đầu tư tài chính dài hạn	10.999.788.614	10.957.238.148
Tổng cộng	214.525.840.822	152.230.608.781
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	196.744.241.115	155.951.319.452
Phải trả người bán	66.396.614.570	77.756.183.942
Phải trả khác	22.337.747.331	50.764.242.209
Chi phí phải trả	242.542.347	10.329.467.891
Tổng cộng	285.721.145.363	294.801.213.494

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản VND	Công nợ VND
Tiền gửi có gốc ngoại tệ	30.360.719.564	-
Tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ	-	-
Công nợ phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ	84.155.284.846	(26.943.946.879)
Cộng	114.516.004.410	(26.943.946.879)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Phân tích độ nhạy

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng dolla Mỹ.

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam tăng 10% thì tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty sẽ tăng tương ứng như sau:

Tiền gửi ngoại tệ sau khi cần trừ	87.572.057.531
Tỷ giá tăng	10,00%
Thay đổi Lợi nhuận trước thuế	<u>8.757.205.753</u>

Quản lý rủi ro lãi suất:

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Rủi ro này được Công ty duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi từ các nguồn vay thích hợp.

Ban Tổng Giám đốc sử dụng các khoản tín dụng cấp bởi khách hàng thông qua việc ứng trước tiền hàng với lãi suất thấp để hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn vay dài hạn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Cty. Cty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng hầu hết số dư nợ phải thu của khách hàng có nợ xấu và được trình bày tại thuyết minh số V.3

4. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm 2014, Công ty Savimex có thực hiện các giao dịch sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	Tổng Cty	Mua lại các căn hộ	26.877.500.000	59.430.880.000
Eland Vietnam	Cổ đông	Cho vay ngắn hạn	31.500.000.000	-
Eland Vietnam	Cổ đông	Bán hàng	91.341.340	-

Trong năm 2014, Công ty Savimex có bán hàng cho Công ty Eland Vietnam với doanh thu là 4.942.768.175 VND và giá vốn là 3.208.868.521 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

5. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	<i>Năm 2014</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2013</i> <i>VND</i>
Lương	1.356.000.000	720.000.000
Tiền thưởng	-	186.000.000
Cộng	1.356.000.000	906.000.000

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,

Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,

Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Dịch vụ quản lý cao ốc.

KẾ TÍNH TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2014</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	269.163.363.619	158.768.853.035	475.055.386.635	(315.275.950.162)	587.711.653.127
Tổng tài sản hợp nhất	269.163.363.619	158.768.853.035	475.055.386.635	(315.275.950.162)	587.711.653.127
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	286.532.397.053	143.871.446.698	218.829.010.113	(315.275.950.162)	333.956.903.702
Tổng nợ phải trả hợp nhất	286.532.397.053	143.871.446.698	218.829.010.113	(315.275.950.162)	333.956.903.702
	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2013</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Tổng tài sản hợp nhất	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588
Tổng nợ phải trả hợp nhất	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất gỗ Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Kinh doanh Bất động sản Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Cung cấp dịch vụ khác Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	Tổng cộng Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra ngoài	520.395.464.649	157.784.045.986	12.277.707.500	690.457.218.135
Doanh thu cho các bộ phận	(26.206.321.158)		(1.955.883.456)	(28.162.204.614)
Tổng doanh thu	494.189.143.491	157.784.045.986	10.321.824.044	662.295.013.521
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Các khoản giảm trừ	38.230.068	2.810.182	-	41.040.250
Doanh thu thuần	494.150.913.423	157.781.235.804	10.321.824.044	662.253.973.271
Tổng chi phí:	509.183.112.649	137.751.021.812	25.331.543.122	672.265.677.583
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	464.854.144.242	135.673.842.353	6.278.726.987	606.806.713.582
- Giá vốn	491.060.465.400	135.673.842.353	6.278.726.987	633.013.034.740
- Giá vốn đã loại trừ của bộ phận	(26.206.321.158)			(26.206.321.158)
Chi phí bán hàng không phân bổ	13.203.232.029	1.153.876.873	-	14.357.108.902
Chi phí quản lý không phân bổ	31.125.736.378	923.302.586	19.052.816.135	51.101.855.099
- Chi phí quản lý	31.125.736.378	923.302.586	21.008.699.591	53.057.738.555
- Chi phí quản lý loại trừ bộ phận			(1.955.883.456)	(1.955.883.456)
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	1.515.738.988	-	1.459.557.693	2.975.296.681
Chi phí tài chính	6.271.244.157	201.230.645	871.885.011	7.344.359.813
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(19.787.704.395)	19.828.983.347	(14.422.046.396)	(14.380.767.444)
Phần lợi nhuận trong các Công ty liên doanh	55.056.786			55.056.786
Lãi / Lỗ khác	(1.072.354.406)	(4.931.577.010)	(10.782.018)	(6.014.713.434)
Lợi nhuận trước thuế	(20.805.002.015)	14.897.406.337	(14.432.828.414)	(20.340.424.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.502.990.715	(37.184.099)	3.465.806.616
Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại	-	71.968.569	37.184.099	109.152.668
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(20.805.002.015)	11.322.447.053	(14.432.828.414)	(23.915.383.376)

42 11/11 2014 11:11:11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2014 kết thúc tại 31/12/2014

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Người lập biểu



Võ Vinh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Lập ngày 26 tháng 01 năm 2015



Tổng Giám đốc

Lưu Hồng Jin